

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Võ Như Hùng	Ủy viên (miễn nhiệm theo nghị quyết số 34/2014/NQ-HĐQT ngày 26/08/2014)
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Trường	Ủy viên (bổ nhiệm theo nghị quyết số 42/2014/NQ-HĐQT ngày 20/10/2014)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Sỹ Hùng Thanh	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ công tác từ 01/08/2014 theo quyết định số 23/2014/QĐ-HĐQT ngày 04/06/2014)
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm theo QĐ số 36/2014/QĐ/HĐQT ngày 28/08/2014)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**  
Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



---

**Nguyễn Ngọc Lâm**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 31 tháng 03 năm 2015





## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ** **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietsiam.com.vn Website: www.ifcvietsiam.com.vn

Số: 132.03/2015/BCKT- IFC

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ Phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán, Phải trả nhà cung cấp và Người mua trả tiền trước. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số dư các khoản công nợ phải thu phải trả chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

**Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, tạm ứng đã quá hạn thanh toán. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ phải thu, tạm ứng đã quá hạn thanh toán là 13.724.685.195 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty ghi nhận thiếu với số tiền là 13.724.685.195 đồng và chỉ tiêu "lợi nhuận trước thuế" ghi nhận cao hơn số tiền tương ứng.

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá lại tình trạng sử dụng và giá trị thuần có thể thực hiện được của các loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho từ năm 2008 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.848.907.359 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2013-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014Mẫu B 01 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.074.035.861</b>	<b>166.406.533.310</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>20.865.008.299</b>	<b>34.419.491.542</b>
1. Tiền	111	V.1	20.865.008.299	34.419.491.542
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>91.271.437.190</b>	<b>75.247.369.863</b>
1. Phải thu khách hàng	131		63.709.420.704	50.228.505.176
2. Trả trước cho người bán	132		22.623.512.998	19.613.118.718
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	4.938.503.488	5.405.745.969
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34.918.395.647</b>	<b>34.329.134.952</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	34.918.395.647	34.329.134.952
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.019.194.725</b>	<b>22.410.536.953</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		205.853.003	284.892.593
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.370.080	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		70.977.717	37.604.268
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	20.727.993.925	22.088.040.092
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.985.377.773</b>	<b>32.615.012.476</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.063.704.420</b>	<b>24.398.009.359</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	22.415.523.425	23.812.372.269
- Nguyên giá	222		40.562.681.851	39.640.396.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.147.158.426)	(15.828.024.089)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	648.180.995	585.637.090
- Nguyên giá	228		1.094.660.000	809.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.479.005)	(224.022.910)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.257.784.306</b>	<b>7.257.784.306</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	4.186.000.000	4.186.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	1.050.000.000	1.050.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	2.021.784.306	2.021.784.306
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>663.889.047</b>	<b>959.218.811</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	663.889.047	805.218.811
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	154.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>199.059.413.634</b>	<b>199.021.545.786</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>139.492.504.472</b>	<b>139.338.649.699</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133.515.595.368</b>	<b>134.127.161.441</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	17.722.460.181	5.670.473.157
2. Phải trả người bán	312		11.714.243.422	9.678.558.061
3. Người mua trả tiền trước	313		36.183.686.437	42.619.346.314
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.569.965.529	4.330.442.901
5. Phải trả người lao động	315		22.463.421.754	39.893.513.141
6. Chi phí phải trả	316	V.13	10.469.038.725	10.138.902.850
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	26.970.928.199	17.701.363.994
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.421.851.121	4.094.561.023
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.976.909.104</b>	<b>5.211.488.258</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.976.909.104	5.211.488.258
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>59.566.909.162</b>	<b>59.682.896.087</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>59.566.909.162</b>	<b>59.682.896.087</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		44.000.000.000	44.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.464.218.328	6.399.084.328
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.947.417.382	2.592.372.382
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.155.273.452	6.691.439.377
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>199.059.413.634</b>	<b>199.021.545.786</b>



Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

*Phan Kim Yến*

Phan Kim Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê  
Người lập biểu





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.446.153.616	9.919.579.972
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.692.961.030	2.975.706.587
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(24.621.032)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.495.604.242)	(3.331.230.007)
Chi phí lãi vay	06	1.364.890.016	503.420.486
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>9.983.779.388</b>	<b>10.067.477.038</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.338.520.707)	27.837.144.917
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(589.260.695)	(8.815.181.561)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(11.260.598.314)	(4.327.879.197)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	220.369.354	43.894.168
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.304.448.684)	(512.506.818)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.672.074.886)	(3.731.271.912)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.934.225.167	2.117.713.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.740.688.150)	(13.026.027.483)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21.767.217.527)</b>	<b>9.653.362.152</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(1.358.656.091)	(3.627.394.272)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	140.200.000	418.564.830
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(3.331.230.007)
5. Thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	1.459.899.500	1.187.592.947
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>241.443.409</b>	<b>(3.352.466.502)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.831.390.231	5.990.710.450
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.779.403.207)	(3.852.160.131)
3. Cổ tức đã trả	36	(4.080.696.149)	(4.922.056.110)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.971.290.875</b>	<b>(2.783.505.791)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(13.554.483.243)</b>	<b>3.517.389.859</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>34.419.491.542</b>	<b>30.902.101.683</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>20.865.008.299</b>	<b>34.419.491.542</b>



Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

*gany*

Phan Kim Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty"), tiền thân là Phòng thiết kế đo đạc thuộc Nha Thủy lợi Bộ Giao thông Công chính, được thành lập ngày 06 tháng 4 năm 1955. Thực hiện Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103175 ngày 16 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 07 năm 2012, tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in ấn và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Thiết kế bao gồm: Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng; và
- Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề).

## **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP bao gồm các đơn vị hạch toán trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Văn phòng Tổng Công ty	Tầng 2, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
<b>Đơn vị trực thuộc</b>	
- Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC11)	Tầng 6, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC12)	Tầng 4, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC13)	Tầng 5, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC14)	Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Ninh (HEC15)	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Nghệ An (HEC16)	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (INTL)	Tầng 1, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Số 52, Đường Đống Đa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa
- Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Nước Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### ***Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	03 - 04

##### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

##### **Các khoản đầu tư dài hạn**

###### **Đầu tư vào Công ty con**

Công ty con là Công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

***Các khoản đầu tư dài hạn khác***

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Chi phí trả trước dài hạn***

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

***Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Ngoại tệ***

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3-C  
Y  
UH,  
V,  
LÍN  
/H



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	1.992.626.005	1.397.605.751
Tiền gửi ngân hàng	18.872.382.294	33.021.885.791
<b>Cộng</b>	<b>20.865.008.299</b>	<b>34.419.491.542</b>

**2. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu BHXH, BHYT	1.232.079.111	661.232.003
Phải thu tiền điện nước, tiền nhà	204.640.000	1.647.499.051
Phải thu tiền thuê văn phòng	-	142.180.000
Phải thu chi phí in ấn	863.501.698	599.261.873
Phải thu người lao động	17.219.363	1.207.149.645
Phải thu khác	2.621.063.316	1.148.423.397
<b>Cộng</b>	<b>4.938.503.488</b>	<b>5.405.745.969</b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.102.383.383	1.657.094.830
Công cụ, dụng cụ	323.058.038	191.812.529
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.492.954.226	32.480.227.593
<b>Cộng</b>	<b>34.918.395.647</b>	<b>34.329.134.952</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	20.437.343.925	22.088.040.092
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	290.650.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.727.993.925</b>	<b>22.088.040.092</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**  
Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2014	20.298.844.162	8.204.736.934	10.240.248.086	678.943.962	217.623.214	39.640.396.358
Mua trong năm	-	693.547.000	215.200.000	164.909.091	-	1.073.656.091
Phân loại lại	(9.007)	-	-	9.007	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(151.370.598)	-	-	(151.370.598)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>20.298.835.155</b>	<b>8.898.283.934</b>	<b>10.304.077.488</b>	<b>843.862.060</b>	<b>217.623.214</b>	<b>40.562.681.851</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2014	3.841.858.665	6.181.392.722	5.033.449.381	553.700.107	217.623.214	15.828.024.089
Khấu hao trong năm	665.051.773	686.137.670	1.028.463.102	90.852.390	-	2.470.504.935
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(151.370.598)	-	-	(151.370.598)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>4.506.910.438</b>	<b>6.867.530.392</b>	<b>5.910.541.885</b>	<b>644.552.497</b>	<b>217.623.214</b>	<b>18.147.158.426</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2014	16.456.985.497	2.023.344.212	5.206.798.705	125.243.855	-	23.812.372.269
Tại 31/12/2014	15.791.924.717	2.030.753.542	4.393.535.603	199.309.563	-	22.415.523.425

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.876.911.240 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.481.879.430 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2014	809.660.000	809.660.000
Mua trong năm	285.000.000	285.000.000
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>1.094.660.000</b>	<b>1.094.660.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2014	224.022.910	224.022.910
Khấu hao trong năm	222.456.095	222.456.095
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>446.479.005</b>	<b>446.479.005</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	585.637.090	585.637.090
Tại 31/12/2014	648.180.995	648.180.995

TR  
K  
TU  
D



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

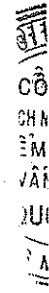
**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Đầu tư vào Công ty con**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	250.700	2.507.000.000	250.700	2.507.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	147.000	1.679.000.000	147.000	1.679.000.000
		<b>4.186.000.000</b>		<b>4.186.000.000</b>

**Thông tin chi tiết về các Công ty con:**

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi Khánh Hòa	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
2	Công ty CP Tư vấn Xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)		58,80%	Tư vấn, thiết kế xây dựng



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**  
Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.050.000.000</b>		<b>1.050.000.000</b>

**Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết:**

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

**9. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	10.000	1.000.000.000	10.000	1.000.000.000
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	102.178	1.021.784.306	102.178	1.021.784.306
<b>Cộng</b>		<b>2.021.784.306</b>		<b>2.021.784.306</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	402.430.931	537.805.001
Giá trị còn lại của tài sản cố định chuyển sang	196.280.933	267.413.810
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.177.183	-
<b>Cộng</b>	<b>663.889.047</b>	<b>805.218.811</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội {i}	10.569.706.750	-
Vay cá nhân {ii}	7.152.753.431	5.670.473.157
<b>Cộng</b>	<b>17.722.460.181</b>	<b>5.670.473.157</b>

{i} Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/14/HM ký ngày 03 tháng 04 năm 2014, với tổng hạn mức tính dụng là 15 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất áp dụng theo từng khế ước cụ thể. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của bên vay tại Ngân hàng, bao gồm Tài khoản số 1537938703, trị giá 25.511,57 USD và Tài khoản số 25376229276, trị giá 71.798,6 USD.

{ii} Vay cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất 12%/năm.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.414.007.506	2.817.343.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp	789.272.165	1.019.262.229
Thuế thu nhập cá nhân	79.394.153	210.908.126
Các loại thuế khác	287.291.705	282.928.864
<b>Cộng</b>	<b>4.569.965.529</b>	<b>4.330.442.901</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí công trình	10.363.030.725	10.093.336.182
Chi phí lãi vay	106.008.000	45.566.668
<b>Cộng</b>	<b>10.469.038.725</b>	<b>10.138.902.850</b>

33-0  
TỶ  
ƯU H  
N V  
CHÍN  
Ê  
P.P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	2.638.343.079	2.637.304.109
Các khoản phải trả khác	24.332.585.120	15.064.059.885
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	3.077.573.837	2.536.464.733
- Chi phí BH công trình	211.152.000	81.278.000
- Chi phí giám sát tác giả	5.886.883.000	-
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.468.291.658	4.028.987.807
- Các khoản phải trả khác	11.688.684.625	8.417.329.345
<b>Cộng</b>	<b>26.970.928.199</b>	<b>17.701.363.994</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	44.000.000.000	4.810.799.328	2.062.944.382	9.797.886.888	60.671.630.598
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	7.100.894.831	7.100.894.831
Phân phối lợi nhuận	-	1.588.285.000	529.428.000	(4.927.342.342)	(2.809.629.342)
Trả cổ tức	-	-	-	(5.280.000.000)	(5.280.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	44.000.000.000	6.399.084.328	2.592.372.382	6.691.439.377	59.682.896.087
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	6.004.068.794	6.004.068.794
Phân phối lợi nhuận (*)	-	1.065.134.000	355.045.000	(3.171.439.377)	(1.751.260.377)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(848.795.342)	(848.795.342)
Trả cổ tức	-	-	-	(3.520.000.000)	(3.520.000.000)
Số dư tại 31/12/2014	<b>44.000.000.000</b>	<b>7.464.218.328</b>	<b>2.947.417.382</b>	<b>5.155.273.452</b>	<b>59.566.909.162</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 04 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau: Tổng Công ty sử dụng 5% Lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ Dự phòng tài chính với giá trị tương ứng là 355.045.000 đồng, sử dụng 15% Lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ Đầu tư phát triển với số tiền tương ứng là 1.065.134.000 đồng, chi trả cổ tức với giá trị tương ứng là 3.520.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi.

(\*\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	21.560.000.000	21.560.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	22.440.000.000	22.440.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

**16. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội. Đồng thời, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc tại Bắc Ninh, Nghệ An, Nha Trang và Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, doanh thu tại các tỉnh trên chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do đó, Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế. Đây là nhóm các dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế giống nhau. Do đó Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	117.938.960.149	139.420.799.924
<b>Cộng</b>	<b>117.938.960.149</b>	<b>139.420.799.924</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	100.333.094.794	117.524.062.745
<b>Cộng</b>	<b>100.333.094.794</b>	<b>117.524.062.745</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	264.630.242	955.058.149
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.090.764.000	1.078.310.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	903.000	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.621.032	-
Doanh thu tài chính khác	78.981.226	-
<b>Cộng</b>	<b>1.459.899.500</b>	<b>2.033.368.149</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.364.890.016	503.420.486
Chi phí tài chính khác	6.458.223	2.446.699
<b>Cộng</b>	<b>1.371.348.239</b>	<b>505.867.185</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5. Lợi nhuận khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	152.955.000	415.590.909
Tiền cho thuê văn phòng, trụ sở	1.738.284.177	1.310.815.779
Thu từ nhận đền bù, bồi hoàn	490.876.071	86.250.815
Thu nhập khác	16.695.995	331.649.175
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.398.811.243</b>	<b>2.144.306.678</b>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	12.745.000	428.544.830
Tiền phạt vi phạm hành chính	42.086.393	408.166.207
Chi phí khác	454.000.000	78.526.812
<b>Chi phí khác</b>	<b>508.831.393</b>	<b>915.237.849</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>1.889.979.850</b>	<b>1.229.068.829</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>7.446.153.616</b>	<b>9.919.579.972</b>
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>7.446.153.616</i>	<i>9.919.579.972</i>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(891.222.607)	(454.144.608)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.090.764.000)	(1.078.310.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	199.541.393	624.165.392
Thu nhập chịu thuế	6.554.931.009	9.465.435.364
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.442.084.822</b>	<b>2.366.358.841</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.442.084.822</b>	<b>2.366.358.841</b>
Truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	452.326.300
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.442.084.822</b>	<b>2.818.685.141</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.004.068.794	7.100.894.831
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.004.068.794	7.100.894.831
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.365	1.614
Mệnh giá CP	10.000	10.000

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.707.772.617	10.236.532.735
Chi phí nhân công	44.948.862.748	61.886.179.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.692.961.030	2.975.706.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.551.565.448	28.744.758.042
Chi phí khác	28.014.851.505	33.024.959.436
<b>Cộng</b>	<b>110.916.013.348</b>	<b>136.868.136.297</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	20.865.008.299	34.419.491.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.647.924.192	55.634.251.145
Đầu tư dài hạn	2.021.784.306	2.021.784.306
<b>Cộng</b>	<b>91.534.716.797</b>	<b>92.075.526.993</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	17.722.460.181	5.670.473.157
Phải trả người bán và phải trả khác	38.685.171.621	27.379.922.055
Chi phí phải trả	10.469.038.725	10.138.902.850
<b>Cộng</b>	<b>66.876.670.527</b>	<b>43.189.298.062</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	38.685.171.621	-	38.685.171.621
Chi phí phải trả	10.469.038.725	-	10.469.038.725
Các khoản vay	17.722.460.181	-	17.722.460.181
<b>Cộng</b>	<b>66.876.670.527</b>	<b>-</b>	<b>66.876.670.527</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	27.379.922.055	-	27.379.922.055
Chi phí phải trả	10.138.902.850	-	10.138.902.850
Các khoản vay	5.670.473.157	-	5.670.473.157
<b>Cộng</b>	<b>43.189.298.062</b>	<b>-</b>	<b>43.189.298.062</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Tiền	20.865.008.299	-	20.865.008.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.647.924.192	-	68.647.924.192
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	2.021.784.306
<b>Cộng</b>	<b>89.512.932.491</b>	<b>2.021.784.306</b>	<b>91.534.716.797</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền	34.419.491.542	-	34.419.491.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.634.251.145	-	55.634.251.145
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	2.021.784.306
<b>Cộng</b>	<b>90.053.742.687</b>	<b>2.021.784.306</b>	<b>92.075.526.993</b>



